TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 03/2019/KDTM-ST Ngày 21-6-2019 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi

Ông Phạm Văn Tỵ

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Toà án huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thanh Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2018/TLST-KDTM ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-KDTM ngày 15 tháng 5 năm 2019 và Thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số 19/2019/TB-TA ngày 04 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ: Số 77 T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đào Việt A trú tại thôn C, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 226/UQ-TGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2017); có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH H; địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Văn H trú tại thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH H); vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Phạm Văn H, trú tại thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) do ông Đào Việt A là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (tên gọi cũ là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ni) và Công ty TNHH H (gọi tắt là Công ty H) đã ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 280110811101/HĐTD-HM/2011 ngày 29 tháng 8 năm 2011 (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng), theo nội dung hợp đồng: Ngân hàng cho Công ty H vay số tiền là 4.000.000.000đồng; Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng: gạch ngói các loại, thiết bị vệ sinh...; Thời hạn cho vay là 12 tháng, thời hạn mỗi khoản vay trong hạn mức 04 tháng, kể từ ngày giải ngân, kỳ trả lãi 23 hàng tháng; Lãi suất cho vay trong hạn: 23,5%/năm, điều chỉnh lãi suất 01 tháng/lần kể từ ngày giải ngân, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Tài sản đảm bảo của khoản vay trên gồm: Quyền sử dụng 1.548m^2 đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 353, tờ bản đồ số 30 tại thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB165184, số vào sổ: cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH.00003 do Uỷ ban nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 15 tháng 6 năm 2010 cho ông Phạm Văn H; Quyền sử dụng 362,1m^2 đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 90A, tờ bản đồ số 53 tại tổ 1, khu C, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AD326459, số vào sổ: cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H.02248/QSDĐ/HB-2006 do Uỷ ban nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng cấp ngày 18 tháng 10 năm 2006 cho Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị H. Các tài sản thế chấp trên đã được các bên thỏa thuận ký kết hợp đồng thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật.

Thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân 05 lần cho Công ty H vay tổng số tiền là 4.600.000.000đồng tại các giấy nhận nợ: số 280110811101-1 ngày 30/8/2011 số tiền giải ngân là 1.600.000.000đồng, số 280110811101-2 ngày 21/12/2011 với số tiền giải ngân là 400.000.000đồng, số 280110811101-3 ngày 22/12/2011 với số tiền giải ngân là 200.000.000đồng, số 280110811101-4 ngày 29/12/2011 với số tiền giải ngân là 1.600.000.000đồng và số 280110811101-5 ngày 10/01/2012 với số tiền giải ngân là 800.000.000 đồng. Công ty H đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền vay tại giấy nhận nợ ngày 30/8/2011, ngày 21/12/2011 và ngày 22/12/2011 nhưng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại các giấy nhận nợ ngày 29/12/2011 và ngày 10/01/2012 và khoản vay đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 02/5/2012. Ngày 29 tháng 9 năm 2014 Công ty H đã trả được một phần nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã giải chấp đối với 01 tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng 362,1m^2 đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 90A, tờ bản đồ số 53 tại thôn tổ 1, khu C, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng cho ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị H.

Tính đến hết ngày 15 tháng 9 năm 2018 Công ty H đã trả Ngân hàng tổng số tiền là 1.855.905.200 đồng, trong đó nợ gốc 1.600.000.000 đồng, lãi trong hạn 193.611.296 đồng, lãi quá hạn 61.883.300 đồng và lãi phạt 410.600 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc Công ty H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng Công ty H không trả nợ nên Ngân hàng đã khởi kiện đối với Công ty H yêu cầu trả số tiền còn nợ tính đến hết ngày 15 tháng 9 năm 2018 là 4.698.013.332 đồng, trong đó nợ gốc 800.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn 3.050.657.416 đồng, lãi chậm trả lãi 8.355.916 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 16 tháng 9 năm 2018 theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, Công ty H đã trả Ngân hàng số tiền 850.000.000 đồng, trong đó nợ gốc là 800.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn 50.000.000 đồng và Ngân hàng đã giải chấp đối với tài sản bảo đảm là quyền sử dụng 1.548m^2 đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 353, tờ bản đồ số 30 tại thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng cho ông Phạm Văn H.

Tính đến ngày 08 tháng 4 năm 2019, Công ty H đã trả Ngân hàng tổng số tiền vay tại các giấy nhận nợ ngày 29/12/2011 và 10/01/2012 là 2.705.905.196 đồng, trong đó: nợ gốc 2.400.000.000 đồng, lãi và phí là 305.905.196 đồng. Công ty H đã trả xong toàn bộ nợ gốc, một phần nợ lãi và còn nợ Ngân hàng số tiền tính đến hết ngày 20 tháng 6 năm 2019 là: 4.121.621.319 đồng, trong đó: lãi trong hạn 04 đồng, lãi quá hạn 3.146.141.608 đồng và lãi phạt chậm trả lãi 975.479.707 đồng.

Từ sau ngày 28 tháng 3 năm 2019 đến nay Công ty H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết tại Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký nên Ngân hàng khởi kiện Công ty H đề nghị Tòa án:

1. Buộc Công ty Hưng Mình Minh phải trả cho Ngân hàng toàn bộ khoản nợ lãi quá hạn tính đến hết ngày 20 tháng 6 năm 2019 theo Hợp đồng tín dụng là 3.146.141.608 đồng.

2. Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc 800.000.000đồng, nợ lãi trong hạn 04 đồng, lãi phạt 975.479.707 đồng và rút yêu cầu khởi kiện xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng 1.548m^2 đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 353, tờ bản đồ số 30 tại thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn Công ty H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn Công ty TNHH H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do đã vi phạm các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, những vi phạm này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 355, 357, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 14 Điều 4; các điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ lãi quá hạn tính đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2019 theo Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký là 3.146.141.608 đồng. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đã rút về số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi phạt và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng 1.548m^2 đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 353, tờ bản đồ số 30 tại thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; Công ty H phải chịu áp phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật, trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về việc vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng cho Công ty H và ông Phạm Văn H nhưng tại phiên tòa lần thứ hai đại diện hợp pháp của Công ty H và ông Phạm Văn Hưng tiếp tục vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn Công ty H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án kinh doanh thương mại: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, các chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập được, xét Hợp đồng tín dụng hạn mức số 280110811101/HĐTD-HM/2011 ngày 29 tháng 8 năm 2011, đã ký giữa Ngân hàng và Công ty H đã được hai bên thống nhất thoả thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền, hình thức, nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do vậy, hợp đồng là hợp pháp, là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là giải ngân cho Công ty H vay số tiền 4.600.000.000 đồng theo các giấy nhận nợ ngày 30/8/2011, 21/12/2011, 22/12/2011, 29/12/2011 và 10/01/2012. Công ty H đã nhận đủ số tiền vay và đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ tại các giấy nhận nợ ngày 30/8/2011, 21/12/2011 và 22/12/2011 nhưng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại các giấy nhận nợ ngày 29/12/2011 và ngày 10/01/2012 từ ngày 02/5/2012. Do

Công ty Hưng Mình Minh vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã khởi kiện ra Tòa án theo Điều 23 của Hợp đồng tín dụng là có căn cứ.

[5] Tính đến ngày 08 tháng 4 năm 2019, Công ty H đã trả Ngân hàng tổng số tiền vay tại các giấy nhận nợ ngày 29/12/2011 và 10/01/2012 là 2.705.905.196 đồng, trong đó: nợ gốc 2.400.000.000 đồng, lãi và phí là 305.905.196 đồng. Công ty H đã trả xong toàn bộ nợ gốc, một phần nợ lãi và còn nợ Ngân hàng số tiền lãi và lãi phạt theo Hợp đồng tín dụng tính đến hết ngày 20 tháng 6 năm 2019 là 4.121.621.319 đồng, trong đó: lãi trong hạn 04 đồng, lãi quá hạn 3.146.141.608 đồng và lãi phạt 975.479.707 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu Công ty H phải trả tiền lãi quá hạn là 3.146.141.608 đồng. Đối với khoản tiền lãi quá hạn: Tại Điều 1 và mục 8.1 Điều 8 của Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ, các bên đã thỏa thuận lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn, lãi phạt chậm trả lãi được tính theo mức lãi suất phạt chậm trả lãi trên số lãi chậm trả tương ứng với số ngày thực tế chậm thanh toán, lãi vay trả 01 tháng/01 lần vào ngày 23 hàng tháng. Căn cứ vào thỏa thuận trên Công ty H phải trả số tiền lãi suất trong hạn, quá hạn, phạt chậm trả lãi được tính quy định trong Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ cụ thể, được điều chỉnh lãi theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ. Trường hợp bên vay không trả nợ đúng hạn, lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 150% lãi suất cho vay. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty H đã vi phạm thời hạn trả nợ nên đã phát sinh lãi trong hạn và lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu Công ty H phải trả khoản tiền lãi quá hạn là có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty H không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, căn cứ vào tài liệu chứng cứ do Ngân hàng cung cấp về số dư nợ lãi quá hạn theo hợp Hồng tín dụng hai bên đã ký, có căn cứ xác định tính đến hết ngày 20 tháng 6 năm 2019 Công ty H còn nợ Ngân hàng số tiền nợ lãi quá hạn là 3.146.141.608 đồng. Do đó, cần buộc Công ty H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ lãi quá hạn là 3.146.141.608 đồng.

[6] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Công ty H về số tiền nợ gốc 800.000.000đồng, nợ lãi trong hạn 04 đồng, lãi phạt 975.479.707 đồng và rút yêu cầu xử lý đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng 1.548m^2 đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 353, tờ bản đồ số 30 tại thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng. Xét, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi phạt và yêu cầu không xử lý tài sản thế chấp là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu Ngân hàng đã rút theo Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về án phí:

[7] Công ty H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Toà án chấp nhận. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Về quyền kháng cáo:

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 355, 357, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 14 Điều 4, các điều 90, 91, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với Công ty TNHH H, buộc: Công ty TNHH H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ lãi quá hạn tính đến hết ngày 20 tháng 6 năm 2019 là 3.146.141.608 đồng (Ba tỷ một trăm bốn mươi sáu triệu một trăm bốn mươi mốt nghìn sáu trăm linh tám đồng) theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 280110811101/HĐTD-HM/2011 ngày 29 tháng 8 năm 2011. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, Công ty H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với Công ty TNHH H đã rút về số tiền nợ gốc 800.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 04 đồng, lãi phạt 975.479.707 đồng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng 1.548m^2 đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 353, tờ bản đồ số 30 tại thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB165184, số vào sổ: cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH.00003 do Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 15 tháng 6 năm 2010 cho ông Phạm Văn H.

2. Về án phí:

Công ty TNHH H phải chịu 94.922.832 đồng (Chín mươi tư triệu chín trăm hai mươi hai nghìn tám trăm ba mươi hai đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 56.350.000đồng (Năm mươi sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương theo Biên lai số 0015474 ngày 10 tháng 12 năm 2018.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Liên